TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2023/DS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023.
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Thái.

Ông Trần Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) V.**

Địa chỉ: số 89 L, phường L, quận Đống Đ, Thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Khắc M, cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ liên hệ: Số 137 Tr, phường F, TP. B, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn*:

1/ Ông **Trần Văn T,** sinh năm 1967. (vắng mặt)

2/ Bà **Triệu Thị M**, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ : khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu:

Ngân hàng TMCP V, chi nhánh Cần Thơ với ông Trần Văn T và bà Triệu Thị M có ký các hợp đồng tín dụng để vay vốn cụ thể như sau:

Ngày 19/3/2015 giữa Ngân hàng với ông T và bà M có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số CTO/15/0090/HDTD để vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ôtô tải (thùng lững) hiệu JAC HFC 1061KT, mới 100%; Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân đầu tiền là 11,5%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Phương thức cho vay: Vay từng lần; Kỳ hạn trả gốc và lãi: trả 01 tháng trả kỳ; trả trong 72 kỳ, trả vào ngày 20 của hàng tháng. Để đảm bảo khoản vay ông T và bà M có ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số CTO/15/0090/HDTC, ngày 19/3/2015 tài sản thế chấp là xe Ôtô tải, 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu JAC, số loại HFC, màu Bạc, số khung 52D4FB000004, số máy BZLQ14108969, biển số 83C-031.42.

Ngày 11/5/2016 giữa Ngân hàng với ông T và bà M có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 7054543/CTO/HĐTD để vay số tiền 320.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe tải THACO OLLIN700C, thùng mui bạt mới 100%; Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân đầu tiền là 12,5%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Phương thức cho vay: Vay từng lần; Kỳ hạn trả gốc và lãi: trả 01 tháng trả kỳ; trả trong 72 kỳ, trả vào ngày 11 của tháng. Để đảm bảo khoản vay ông T và bà M có ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 7054543/CTO/HĐTC, ngày 11/5/2016 tài sản thế chấp là xe Ôtô tải có mui, 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu FOTON, số loại THACO, số khung 250BGC090142, số máy LQBB01001825, biển số 83C-039.10.

Ngày 19/01/2018 giữa Ngân hàng với ông T và bà M có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số LN1712290418317/CTO/HĐTD để vay số tiền 264.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng; mục đích vay: Vay mua xe ô tô tải DO THANH IZ49-TL năm 2017 mới 100%; Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân đầu tiền là 9,9%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Phương thức cho vay: Vay từng lần; Kỳ hạn trả gốc và lãi: trả 01 tháng trả kỳ; trả trong 72 kỳ, trả vào ngày 18 của tháng, mỗi tháng trả nợ gốc là 3.667.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay ông T và bà M có ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1712290418317/CTO/HĐTC, ngày 19/01/2018 tài sản thế chấp là xe Ôtô tải, số khung 17APHD001732, số máy ZLQ432067191, biển số 83C-062.02.

Ngày 29/12/2017 giữa Ngân hàng với bà M có thỏa thuận ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010107/201712/30 để vay số tiền 38.000.000 đồng; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống, mua đồ gia dụng; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 20%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi

suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Phương thức cho vay: Vay từng lần; Kỳ hạn trả gốc và lãi: trả 01 tháng trả kỳ; trả trong 60 kỳ, trả vào ngày 18 của tháng.

Ngày 07/08/2017 giữa Ngân hàng với bà M có thỏa thuận ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010107/201708/07 để vay số tiền 120.000.000 đồng; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống, mua đồ gia dụng; Thời hạn vay: 24 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 20%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Phương thức cho vay: Vay từng lần; Kỳ hạn trả gốc và lãi: trả 01 tháng trả kỳ; trả trong 60 kỳ, trả vào ngày 08 của tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng như thỏa thuận phía ông Trần Văn T và bà Triệu Thị M đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với ông T và bà M để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng phía ông T và bà M cố tình kéo dài thời gian trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tạm tính đến ngày 26/9/2023 phía ông T và bà M còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là 1.388.355.107 đồng, trong đó nợ gốc là: 670.949.032 đồng, nợ lãi trong hạn: 478.270.717 đồng, lãi quá hạn: 239.135.358 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T và bà Triệu Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2023 là 1.388.355.107 đồng, trong đó nợ gốc là: 670.949.032 đồng, nợ lãi trong hạn: 478.270.717 đồng, lãi quá hạn: 239.135.358 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi ông T và bà M trả hết nợ với lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp phía ông T và bà M không trả hết nợ hoặc không có khả năng trả nợ thì đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

- Bị đơn ông Trần Văn T, bà Triệu Thị M: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, các bị đơn vẫn không có biên bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền tín dụng vay còn nợ nên HĐXX xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn ông Trần Văn T và bà Triệu Thị M. Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn nêu trên.

- *Về nội dung:*

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 26/9/2023 với tổng số tiền là 670.949.032 đồng. Nhận thấy, giữa nguyên đơn với các bị đơn có thỏa thuận ký các hợp đồng tín dụng như sau: 1/ Ngày 19/3/2015 giữa nguyên đơn với bị đơn có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số CTO/15/0090/HDTD để vay số tiền 250.000.000 đồng; Thời hạn vay 72 tháng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ôtô tải (thùng lững) hiệu JAC HFC 1061KT, mới 100%; 2/ Hợp đồng tín dụng số 7054543/CTO/HĐTD, ngày 11/5/2016 vay số tiền 320.000.000 đồng; Thời hạn vay 72 tháng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe tải THACO OLLIN700C, thùng mui bạt mới 100%; 3/ Hợp đồng tín dụng số LN1712290418317/CTO/HĐTD, ngày 19/01/2018 vay số tiền 264.000.000 đồng; Thời hạn vay 72 tháng; Mục đích vay: Vay mua xe ô tô tải DO THANH IZ49-TL năm 2017 mới 100%; 4/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010107/201712/30, ngày 29/12/2017 để vay số tiền 38.000.000 đồng; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống, mua đồ gia dụng; Thời hạn vay: 60 tháng; 5/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010107/201708/07, ngày 07/08/2017 để vay số tiền 120.000.000 đồng; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống, mua đồ gia dụng; Thời hạn vay: 24 tháng. Các hợp đồng vay tín dụng đều thỏa thuận trả theo từng kỳ, mỗi kỳ 01 tháng trả một lần. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các hợp đồng thì phía các bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn được số tiền nợ gốc tổng cộng là 321.050.968 đồng, tính đến ngày 26/9/2023 các bị đơn còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền là 670.949.032 đồng. Hiện các hợp đồng này đã quá hạn nhưng các bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho nguyên đơn, là vi phạm

nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 26/9/2023 là 670.949.032 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trên tiền vốn còn nợ tính đến ngày 26/9/2023, Nhận thấy, theo các hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn thỏa thuận ký với các bị đơn để vay có thỏa thuận lãi suất như sau: 1/ Hợp đồng tín dụng số CTO/15/0090/HDTD, ngày 19/3/2015 các bên thuận lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân đầu tiền là 11,5%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; 2/ Hợp đồng tín dụng số 7054543/CTO/HĐTD, ngày 11/5/2016 thỏa thuận lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân đầu tiền là 12,5%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; 3/ Hợp đồng tín dụng số LN1712290418317/CTO/HĐTD, ngày 19/01/2018 thỏa thuận lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân đầu tiền là 9,9%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; 4/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010107/201712/30 ngày 29/12/2017 và 5/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010107/201708/07 ngày 07/08/2017 đều thỏa thuận lãi suất cho vay là: 20%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*" và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Do đó, đối với số tiền lãi mà nguyên đơn tính theo bảng tính lãi quá hạn ngày 26/9/2023 và lịch sử giải ngân và thu nợ của hợp đồng vay ngày 26/9/2023 là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Từ đó, tiền lãi của các hợp đồng tín dụng được tính cụ thể như sau: Lãi suất trong hạn: 478.270.717 đồng, lãi quá hạn: 239.135.358 đồng

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp, nhận thấy: Theo các hợp đồng tín dụng số CTO/15/0090/HDTD, ngày 19/3/2015; Hợp đồng tín dụng số 7054543/CTO/HĐTD, ngày 11/5/2016 và Hợp đồng tín dụng số LN1712290418317/CTO/HĐTD, ngày 19/01/2018 thì mục đích vay là để thanh toán tiền mua 03 xe ô tô tải; Đồng thời, giữa nguyên đơn và bị đơn cũng có thỏa thuận ký các hợp đồng thế chấp xe ô tô số CTO/15/0090/HDTC, ngày 19/3/2015 tài sản thế chấp là xe Ôtô tải, 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu JAC, số loại HFC, màu Bạc, số khung 52D4FB000004, số máy BZLQ14108969, biển số 83C-031.42. Hợp đồng thế chấp xe ô

tô số 7054543/CTO/HĐTC, ngày 11/5/2016 tài sản thế chấp là xe Ôtô tải có mui, 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu FOTON, số loại THACO, số khung 250BGC090142, số máy LQBB01001825, biển số 83C-039.10. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1712290418317/CTO/HĐTC, ngày 19/01/2018 tài sản thế chấp là xe Ôtô tải, số khung 17APHD001732, số máy ZLQ432067191, biển số 83C-062.02. Ngoài ra, việc thế chấp tài sản cũng có đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm. hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án do Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 298, Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng số tiền là 700.000 đồng. Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước để làm thủ tục tố tụng, do đó buộc các bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[8] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 298, Điều 299, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V

Buộc bị đơn ông Trần Văn T và bà Triệu Thị M có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 26/9/2023 với tổng số tiền còn nợ là 1.388.355.107 đồng (*một tỷ ba trăm tám mươi tám triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn một trăm lẽ bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc là 670.949.032 đồng, lãi trong hạn 478.270.717 đồng, lãi quá hạn 239.135.358 đồng.

Kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi ông Trần Văn T bà Triệu Thị M thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V, thì hàng tháng ông Trần Văn T và bà Triệu Thị M còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín hợp đồng tín dụng số CTO/15/0090/HDTD, ngày 19/3/2015; Hợp đồng tín dụng số 7054543/CTO/HĐTD, ngày 11/5/2016; Hợp đồng tín dụng số LN1712290418317/CTO/HĐTD, ngày 19/01/2018; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010107/201712/30, ngày 29/12/2017; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010107/201708/07, ngày 07/08/2017.

Trường hợp ông Trần Văn T bà Triệu Thị M không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm xử lý các tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp xe ô tô số CTO/15/0090/HDTC, ngày 19/3/2015 tài sản thế chấp là xe Ôtô tải, 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu JAC, số loại HFC, màu Bạc, số khung 52D4FB000004, số máy BZLQ14108969, biển số 83C-031.42. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 7054543/CTO/HĐTC, ngày 11/5/2016 tài sản thế chấp là xe Ôtô tải có mui, 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu FOTON, số loại THACO, số khung 250BGC090142, số máy LQBB01001825, biển số 83C-039.10. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1712290418317/CTO/HĐTC, ngày 19/01/2018 tài sản thế chấp là xe Ôtô tải, số khung 17APHD001732, số máy ZLQ432067191, biển số 83C-062.02 để ngân hàng thu hồi nợ.

2/ Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng cộng 700.000 đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*) các bị đơn ông Trần Văn T và bà Triệu Thị M chịu. Tuy nhiên, do nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng thanh toán trước để làm thủ tục tố tụng. Do đó, buộc các bị đơn Trần Văn T bà Triệu Thị M có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 700.000 đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc các bị đơn ông Trần Văn T bà Triệu Thị M liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 53.650.653 đồng (*năm mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng*)

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.900.000 đồng (*hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006436 ngày 01/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn